

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 15 – 4 - 2021

“V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLPT/HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc: “Chia tài sản sau khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2019/HNGD-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2063/2020/QĐ-PT ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N1 đơn: Luật sư Trương Quang T – Công ty Luật TNHH Một thành viên X, địa chỉ: Số 02 N, TDP 9 phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc N1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Võ Ngọc N1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:* Bà và ông Võ Ngọc N1 đã được Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy giải quyết cho ly hôn tại bản án số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 12/11/2018, vào thời điểm đó bà chưa yêu cầu giải quyết tài sản nên Tòa án không giải quyết về tài sản. Sau khi ly hôn giữa bà và ông N1 đã thỏa thuận phân chia tài sản là động sản, riêng ngôi nhà 2 tầng và thửa đất số 652, tờ bản đồ số 07, diện tích 904m² tại địa chỉ Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình không thỏa thuận được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Nguyên vọng của bà muốn được nhận nhà và đất để bà có chỗ ở và các con có nơi đi về nghỉ ngơi, bà chấp nhận giao chênh lệch tài sản cho ông N1. Ngoài ra bà N trình bày có một thửa đất khác có diện tích 112m² mà hai vợ chồng nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân tại khu vực Chợ G thành phố Đ. Tuy nhiên hiện nay thửa đất này chưa hoàn tất xong thủ tục cấp GCN QSDĐ nên bà chưa yêu cầu chia tài sản này.

- *Bị đơn ông Võ Ngọc N1:* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại văn bản ngày 11/7/2019 gửi Tòa án ông N1 có ý kiến: sau khi Tòa án giải quyết ly hôn, bà N làm giấy chia tài sản và chuyển tài sản ra khỏi nhà. Riêng nhà ở bà N chia ông N1 ở tầng 1, bà N ở tầng 2, ngày 30/5/2019 bà N về ở tầng 2 cho đến ngày 03/6/2019. Việc chia tài sản theo ông không cần đến pháp luật giải quyết, nếu bà N yêu cầu thì Tòa án căn cứ vào đơn của ông để làm cơ sở giải quyết, ông không tham gia hầu Tòa.

Do phía bị đơn ông Võ Ngọc N1 không hợp tác, hai bên không thỏa thuận được về giá tài sản về lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản nên Tòa án đã tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tuy nhiên ông N1 vắng mặt không có lý do, cửa cổng nhà khóa nên Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ không thực hiện được. Hội đồng định giá tài sản đã căn cứ diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở theo giấy xác nhận của chủ thầu xây dựng nhà để tiến hành định giá, kết quả định giá tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 501.476.946 đồng.

N1 đơn bà Lê Thị N có làm đơn yêu cầu được tự trưng cầu một tổ chức thẩm định giá khác để định giá tài sản nhà và đất. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 12/9/2019 của Chi nhánh thẩm định giá thành phố Hồ Chí Minh – Công ty TNHH Kiểm toán ASCO mà bà N giao nộp cho Tòa án, kết quả tổng cộng giá trị tài sản trên đất và giá trị đất: 2.121.000.000 đồng. Bà N tự nguyện lựa chọn giá trị của tổ chức định giá cao hơn để yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nhằm đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2019/HNGD-ST ngày

18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định:

Áp dụng Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xử:

Giao cho bà Lê Thị N được quyền sở hữu và sử dụng một ngôi nhà hai tầng 230m² và diện tích đất 904m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 720938 do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 11/6/2013 tại thôn Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Võ Ngọc N1 và bà Lê Thị N có tổng trị giá: 2.121.000.000 đồng. Bà N phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho ông N1 số tiền là: 1.060.500.000 đồng. Ông N1 được nhận chênh lệch tài sản tại bà N là 1.060.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2019, bị đơn ông Võ Ngọc N1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông không đồng ý việc bà N tự thẩm định giá tài sản, bà N kê khai tài sản vợ chồng chưa hết còn 02 lô đất ở Vũng Tàu và phường Nam Lý nữa nên ông yêu cầu phân chia lại tài sản, ông xin được nhận hiện vật đất, nhà ở tại Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, tại bản tự khai ngày 12/12/2020 bị đơn ông Võ Ngọc N1 trình bày: Tài sản chung vợ chồng ông N1, bà N gồm có 03 lô đất và 01 nhà ở:

- Thừa đất số 384 tờ bản đồ số 60 diện tích 75m² tại phường 12 thành phố V, thửa đất được mua bằng tiền của ông N1 gửi vào nhờ ông Nguyễn Thanh P (là chồng của em gái bà N) năm 2011 mua đứng tên của con gái Võ Thị Chung C, hiện nay bà N đã tự ý chuyển nhượng cho người khác mà không hỏi ý kiến của ông. Đề nghị Tòa án đưa vào để chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn, giá trị thửa đất khoảng 2 tỷ đồng.

- Thừa đất tại địa chỉ nhóm 5 TDP 8 phường N, TP Đ, tỉnh Quảng Bình do hai vợ chồng mua của ông Ngô Xuân Đ, bà Võ Thị T hiện có tranh chấp đang được TAND tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác, trị giá thửa đất khoảng 1,5 tỷ đồng. Ông đề nghị TAND tỉnh Quảng Bình giải quyết xong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất sau đó tiếp tục giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

- Thừa đất số 652, tờ bản đồ số 07 địa chỉ Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình diện tích 904m² trên đất có nhà ở 2 tầng diện tích 230m² (sàn 1 là 130m², diện tích sàn 2 là 100m²) giá trị nhà và đất 2.1 tỷ đồng. Đất và nhà ở này hiện nay ông

đang quản lý sử dụng và thờ tự ông bà, cha mẹ nên ông có nguyện vọng nhất lại phần đất này, ông không đồng ý giao nhà và đất cho bà N.

Ông N1 chấp nhận cho bà N nhận hai lô đất ở Vũng Tàu và Nam Lý trị giá 2 lô: 3,5 tỷ đồng còn ông lấy đất và nhà ở Sen Thủy trị giá 2,1 tỷ đồng, không phải bù trừ nghĩa vụ cho nhau vì như vậy đã có lợi cho bà N. Hoặc chia đều 03 lô đất, ông N1 lấy đất và nhà tại Sen Thủy để thờ tự ông bà, cha mẹ. Hoặc nhà đất ở Sen Thủy chia đôi, ông N1 ở tầng 1, bà N ở tầng 2 còn hai lô đất ở Vũng Tàu và Nam Lý chia đôi. Ông N1 yêu cầu trong trường hợp cần thiết đề nghị TAND tỉnh Quảng Bình tạm đình chỉ vụ án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để chờ giải quyết xong vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa bà Lê Thị N và ông Ngô Xuân Đ, bà Võ Thị T.

Xét đề nghị của ông N1 và cần đợi kết quả giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị N và ông Ngô Xuân Đ, bà Võ Thị T mới giải quyết được vụ án này, ngày 23/3/2020 Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 28/9/2020 các bên thống nhất thỏa thuận ông Đ bà T nhận lại phần đất tại phường Nam Lý đã chuyển nhượng cho ông N1, bà N và ông N1 bà N nhận lại số tiền 900.000.000 đồng, số tiền này đã được chuyển vào tài khoản anh Võ Mạnh H là con trai bà N, ông N1 và đây là khoản tiền chung của vợ chồng ông N1 bà N chưa được phân chia sau khi ly hôn. Bà N rút toàn bộ đơn khởi kiện đối với vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2020/QĐST-TCDS, đến ngày 30/10/2020 quyết định có hiệu lực pháp luật, Tòa án đã giải quyết xong vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa bà Lê Thị N và ông Ngô Xuân Đ, bà Võ Thị T. Lý do tạm đình chỉ vụ án không còn nên ngày 02/11/2020, Tòa án có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 1631/2020/QĐPT-HNGĐ.

Tại buổi làm việc ngày 05/11/2020 ông Võ Ngọc N1 trình bày: vào thời điểm kháng cáo ông không đồng ý việc bà N tự thẩm định giá nhưng nay ông thống nhất đồng ý với giá trị nhà và đất tại thôn Xóm Phường là 2.121.000.000 đồng, ông không đề nghị định giá lại tài sản nữa. Ông xin được quyền sử dụng nhà 2 tầng 230m² và diện tích đất 904m² tại thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy còn bà N được nhận số tiền 900.000.000 đồng chuyển nhượng lô đất ở phường Nam Lý và được quyền sử dụng lô đất số 384, tờ bản đồ số 60 tại phường 12 thành phố Vũng Tàu diện tích 75 m², không ai phải bù chênh lệch cho nhau.

Ngày 27/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm, tại phiên tòa bị đơn ông Võ Ngọc N1 đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ

sung tài liệu chứng cứ liên quan đến lô đất số 384, tờ bản đồ số 60 tại phường 12 thành phố Vũng Tàu nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Ngày 23/02/2021, ông Võ Ngọc N1 có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Ngày 26/02/2021 Tòa án có Công văn số 254/TAQB-DS đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp bản sao có chứng thực toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ đăng ký biến động đất đai liên quan đến Thửa đất số 384 tờ bản đồ số 60 diện tích 75m² tại phường 12 thành phố Vũng Tàu. Tại công văn số 1338/CNVPĐK-TTLT ngày 19/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu thông báo về việc đã sao lục xong hồ sơ, đề nghị thanh toán chi phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai. Tòa án có thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nhưng đến nay ông N1 không nộp do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Võ Ngọc N1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không gửi giấy triệu tập cho ông biết để tham dự phiên tòa là chưa đúng trình tự thủ tục, sân và hàng rào được xây dựng sau khi ông N1 bà N ly hôn nên cần trừ ra 100.000.000 đồng giá trị đất nhà tại thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, ông xin được nhận đất và nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N1 đơn bà Lê Thị N có ý kiến: Tài sản chung của bà N ông N1 trong thời kỳ hôn nhân gồm ngôi nhà và thửa đất tại thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy và số tiền 900.000.000 đồng đã được giải quyết ở vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xét điều kiện hoàn cảnh của bà N sau ly hôn là phụ nữ, hiện không có chỗ ở ổn định, việc làm nhà ở sẽ khó khăn hơn so với ông N1 nên đề nghị Tòa án chia ngôi nhà và đất ở Sen Thủy cho bà N, bà N sẽ bù tiền chênh lệch tài sản cho ông N1 theo giá trị đã được xác định trên cơ sở phân chia công sức đóng góp tương đương nhau. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông N1 về việc vợ chồng có một thửa đất ở Vũng Tàu do không có căn cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc N1 (chia thêm khoản tiền 900.000.000 đồng), giao cho bà N được sở hữu nhà và đất ở Sen Thủy, bà N phải giao tiền chênh lệch tài sản cho ông

N1 với số tiền là 1.510.500.000 đồng. Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử vắng mặt ông Võ Ngọc N1, sau khi nhận được bản án sơ thẩm, ngày 07/12/2019 ông Võ Ngọc N1 làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được thụ lý xét xử phúc thẩm.

Đối với nội dung kháng cáo của ông Võ Ngọc N1 cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì không gửi giấy triệu tập cho ông N1 được tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, thông qua dịch vụ bưu chính Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N1 nhưng ông N1 không hợp tác, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các buổi xem xét, thẩm định của Tòa án. Tại văn bản ngày 11/7/2019 gửi cho Tòa án ông Võ Ngọc N1 có ý kiến “*Tôi không tham gia hầu tòa, kính mong tòa thông cảm*” như vậy, ông N1 đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không hợp tác, cố tình vắng mặt. Ngày 04/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, kháng cáo của ông N1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Võ Ngọc N1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia lại tài sản, đưa thêm 02 lô đất ở Vũng Tàu và phường Nam Lý vào để phân chia một lần tổng tài sản chung vợ chồng và giao cho ông được nhận hiện vật đất, nhà ở tại thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thấy rằng:

[2.1] Ông N1 có yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ số 60 tại phường 12 thành phố Vũng Tàu diện tích 75 m². Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông N1 cung cấp bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 578005 tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 60 mang tên ông Văn Ngọc H, ngoài ra ông không cung cấp được chứng cứ tài liệu nào khác. Ông

N1 trình bày mọi giấy tờ bà Lê Thị N giữ và có vợ chồng con gái Võ Thị Chung C và bà thông gia Võ Thị C ở Vũng Tàu làm chứng. Tòa án có công văn số 1707/TAND ngày 10/11/2020 về việc yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất số 384, tờ bản đồ số 60 tại TP Vũng Tàu là tài sản chung vợ chồng, tại đơn phản hồi ngày 15/11/2020, bà Lê Thị N khẳng định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân không có bất kỳ một diện tích đất nào ở Vũng Tàu, bà N không có các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất. Chị Võ Thị Chung C và bà Võ Thị C có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về việc không liên quan đến tài sản chung của ông N1, bà N, không biết gì về thửa đất số 384, tờ bản đồ 60. Theo đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ của ông N1, ngày 26/02/2021 Tòa án có Công văn số 254/TAQB-DS đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp bản sao có chứng thực toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ đăng ký biến động đất đai liên quan đến Thửa đất số 384 tờ bản đồ số 60 diện tích 75m² tại phường 12 thành phố Vũng Tàu. Tuy nhiên, ông N1 không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo yêu cầu thanh toán chi phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên không thu thập được tài liệu.

Hội đồng xét xử thấy, ông N1 đưa ra yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 60 tại TP Vũng Tàu nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xem xét trong vụ án này, ông N1 có quyền khởi kiện vụ án khác.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Ngọc N1, bà Lê Thị N đều thừa nhận tài sản chung của vợ chồng chưa chia bao gồm: số tiền 900.000.000 đồng (tiền chuyển nhượng lô đất ở phường Nam Lý đã được chuyển vào tài khoản bà Lê Thị N); ngôi nhà 2 tầng diện tích xây dựng 230m² và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 07, diện tích 904m² tại địa chỉ thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Lệ Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 720938 ngày 11/6/2013. Ông N1, bà N thống nhất thỏa thuận giá trị nhà và đất là 2.121.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở xác định tài sản chung vợ chồng chưa chia gồm số tiền 900.000.000 đồng và quyền sử dụng đất, nhà ở 2 tầng tại thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy có tổng trị giá: 3.021.000.000 đồng.

[2.3]. Về số tiền 900.000.000 đồng, các bên đương sự yêu cầu chia đôi, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trước đây lúc còn là vợ chồng, ông N1, bà N nhận chuyển nhượng của ông Đ, bà T diện tích thửa đất tại phường Nam Lý, TP Đồng

Hỏi, sau đó các bên xảy ra tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nay các bên đã thỏa thuận ông Đ bà T nhận lại phần đất tại phường Nam Lý đã chuyển nhượng cho ông N1, bà N và ông N1 bà N nhận lại số tiền 900.000.000 đồng, số tiền này hiện đã được chuyển vào tài khoản của bà N, như vậy đây là khoản tiền chung của vợ chồng ông N1 bà N chưa được phân chia sau khi ly hôn. Do đó, ông N1, bà N mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ số tiền này.

[2.4]. Đối với ngôi nhà 2 tầng diện tích xây dựng 230m² và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 07, diện tích 904m² địa chỉ thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, các bên đương sự thỏa thuận giá trị nhà và đất là 2.121.000.000 đồng, ông N1 cho rằng sân và hàng rào được ông xây dựng sau khi ông N1 bà N ly hôn nên cần phải trừ ra 100.000.000 đồng giá trị. Hội đồng xét xử thấy, ngày 05/6/2018 UBND xã Sen Thủy có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với ông Võ Ngọc N1 vì đã có hành vi xây dựng công trình tường rào trái phép, ông N1 bà N được Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy giải quyết ly hôn tại bản án số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 12/11/2018, như vậy công trình sân và tường rào đã được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Ông N1 cho rằng sân và hàng rào được ông xây dựng sau khi ông N1 bà N ly hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, cả ông N1, bà N đều có nguyện vọng được nhận hiện vật đất, nhà ở. Tuy nhiên, ngôi nhà hai tầng diện tích 230m² tọa lạc ngay giữa thửa đất 904m², ngôi nhà được xây dựng gần hết phần mặt tiền của thửa đất, ba phía còn lại của thửa đất đều tiếp giáp phần đất của các hộ gia đình khác, các đương sự đều xác định thửa đất không thể phân chia được, do đó các đương sự có đề nghị Tòa án chia nhà và đất cho một người. Xét thấy, sau khi ly hôn bà N không có nhà ở ổn định, đang ở nhà trọ tạm trú tại khu tập thể nội trú của Trường tiểu học số 2 Sen Thủy, sự việc được Hội liên hiệp phụ nữ xã Sen Thủy và Trường tiểu học số 2 Sen Thủy xác nhận. Hiện bà N là phụ nữ đang nuôi đứa con chung sau cùng của ông bà đang học Đại học, mong được chia nhà ở để sau này các con về sum họp vào các dịp lễ tết và đó cũng là nguyện vọng chung của các con ông N1 bà N. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà N nhất trí nếu được chia ngôi nhà bà sẽ bù tiền chênh lệch cho ông N1 còn ông N1 xin nhận nhà và đất nhưng không đồng ý giao tiền chênh lệch tài sản cho bà N. Xét nhu cầu sử dụng của các bên Hội đồng xét xử thấy cần giao nhà đất cho bà N được quyền sử dụng, sở hữu và buộc bà N phải có nghĩa vụ giao một nửa giá trị tài sản nhà và đất cho ông N1 như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

Như vậy, Hội đồng xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng chưa chia

là: 3.021.000.000 đồng; gồm 900.000.000 đồng tiền mặt và nhà đất có giá trị 2.121.000.000 đồng, ông N1 bà N mỗi người được nhận phần tài sản trị giá: 1.510.500.000 đồng. Bà N được nhận nhà và đất tổng trị là: 2.121.000.000 đồng. Ông Võ Ngọc N1 được nhận số tiền 900.000.000 đồng (số tiền này hiện đang có tại tài khoản của bà N) và buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho ông N1 số tiền: 610.500.000 đồng. Tổng cộng bà N phải giao cho ông N1 số tiền là: 1.510.500.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N, ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tương ứng với phần tài sản được nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông N1 được chấp nhận nên ông N1 không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Ngọc N1 để sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng Điều 33, 34, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Xác định số tiền 900.000.000 đồng (tiền chuyển nhượng lô đất ở phường Nam Lý, hiện nay đã được chuyển vào tài khoản của bà N); 01 ngôi nhà 2 tầng diện tích xây dựng 230m² và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 07, diện tích 904m² tại địa chỉ thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Lệ Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 720938 ngày 11/6/2013 có tổng giá trị tài sản tính thành tiền là: 3.021.000.000 đồng là tài sản chung của ông Võ Ngọc N1, bà Lê Thị N sau khi đã ly hôn để phân chia.

3. Giao cho bà Lê Thị N được quyền sở hữu và sử dụng 01 ngôi nhà hai tầng 230m² và diện tích đất 904m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 720938 tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 07, diện tích 904m² do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 11/6/2013 tại địa chỉ thôn Xóm Phường, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Võ Ngọc N1 và bà Lê Thị N.

4. Giao cho ông Võ Ngọc N1 được nhận số tiền 900.000.000 đồng (số tiền này hiện đang có tại tài khoản của bà N) và buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ giao

chênh lệch tài sản cho ông N1 số tiền: 610.500.000 đồng. Tổng cộng bà N phải giao cho ông N1 số tiền là: 1.510.500.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà N phải chịu 57.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí 14.000.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0005706 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Bà N còn phải nộp thêm 43.315.000 đồng.

Ông N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 57.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng ông N1 phải chịu 57.615.000 đồng án phí.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Ngọc N1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng ông N1 đã nộp tại biên lai số 0005919 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P9);
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu